FireAnt

CTCP Vinafco (UPCOM: VFC)

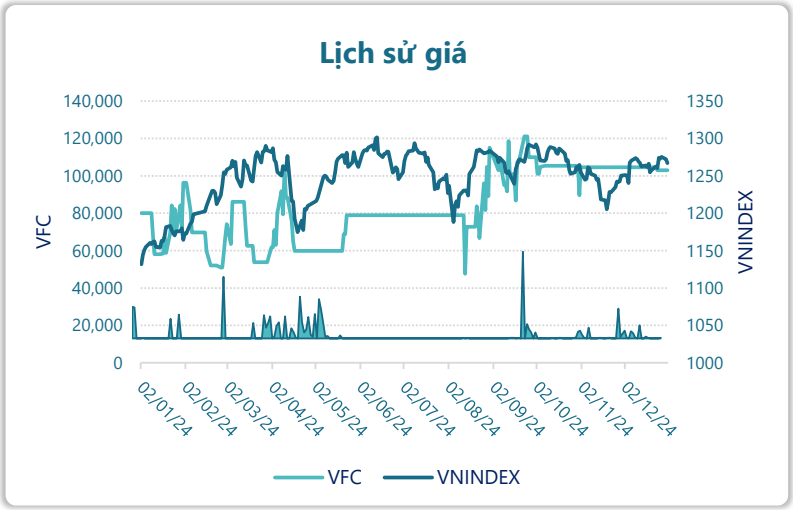

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**103,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	121,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	47,600
SL cổ phiếu LH	33,801,062
KLGD BQ 20 phiên (CP)	695
% sở hữu nước ngoài	44.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,482
P/E	137.4
EPS	750

DT thuần

Q4/24

333

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.0| 25.1%

YoY: ▼17.0| -4.9%

LN sau thuế

Q4/24

15.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.99| 112%

YoY: ▲ 5.00| 49.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.4%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2024

1,163

tỷ VNĐ

YoY: ▼109| -8.6%

LN sau thuế

2024

25.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.6| -42.3%

ROE

2024

3.5%

+/- YoY: ▼ 2.3%

Kết quả kinh doanh

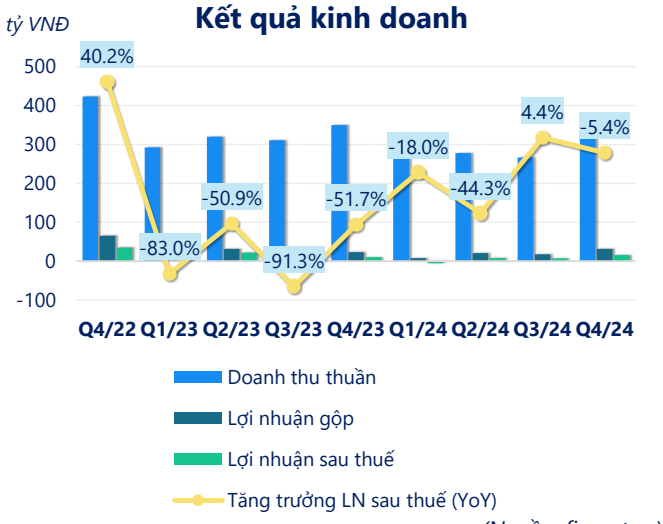

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

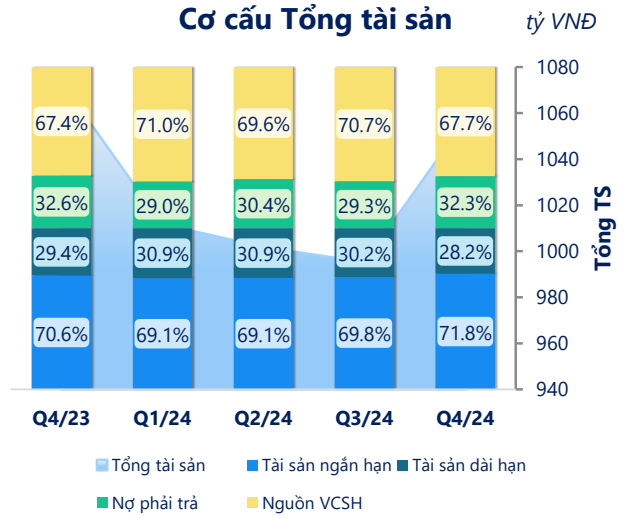

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

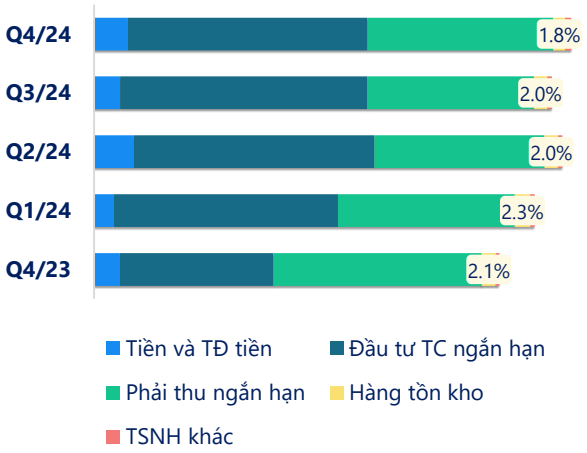

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

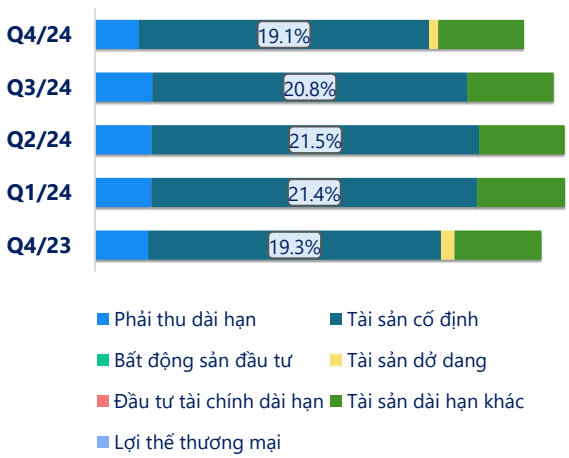

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

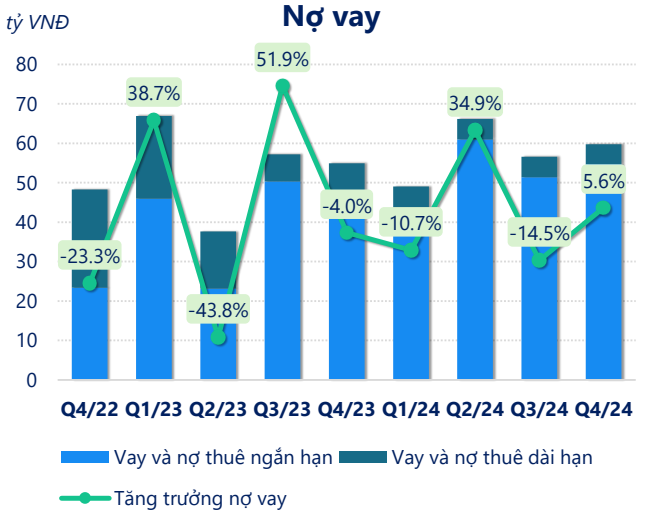

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

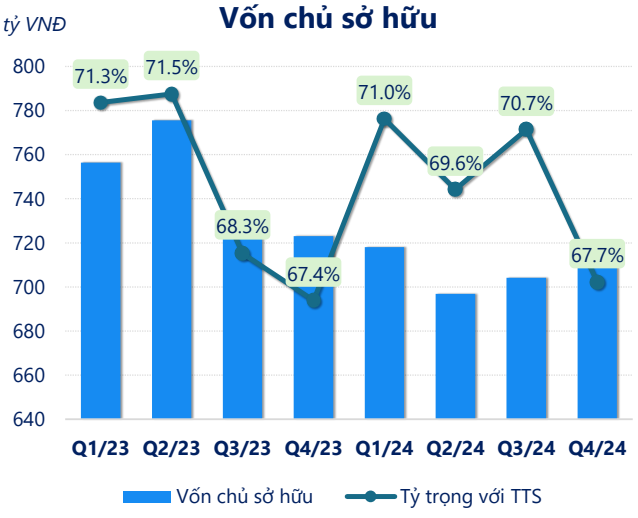

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

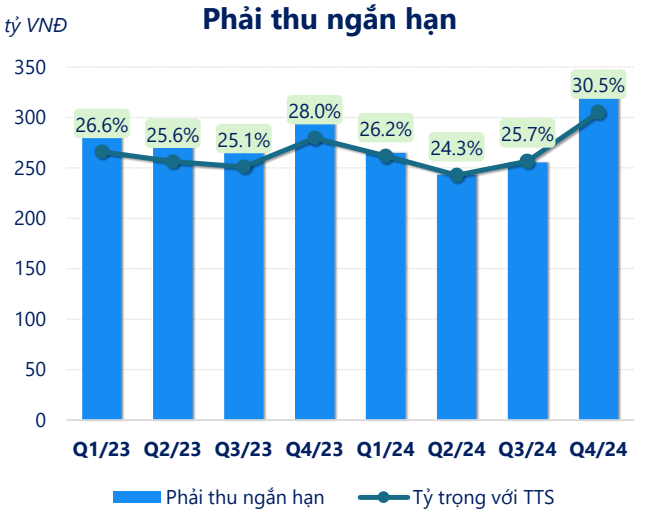

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

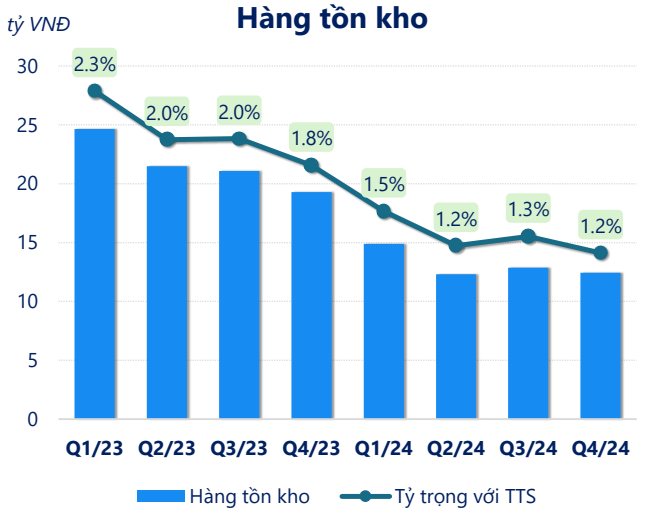

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

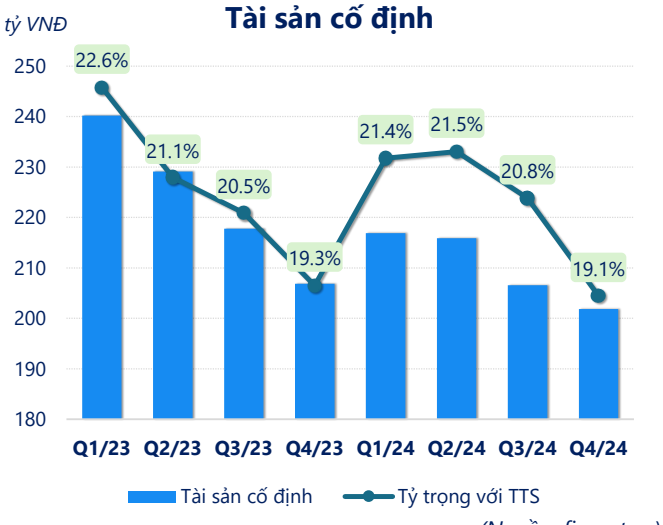

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

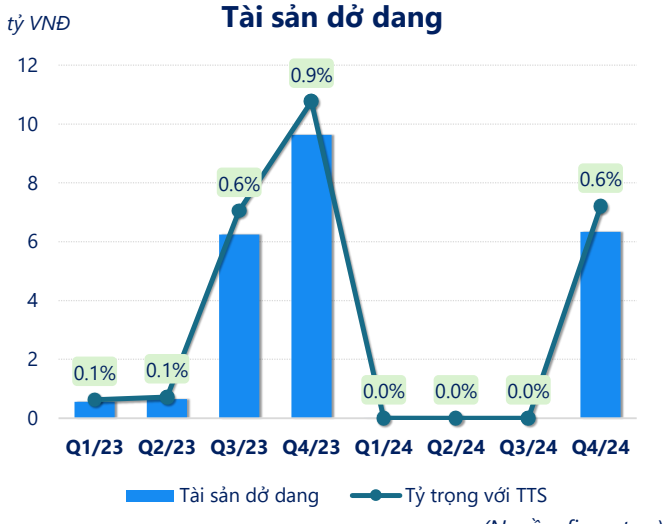

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

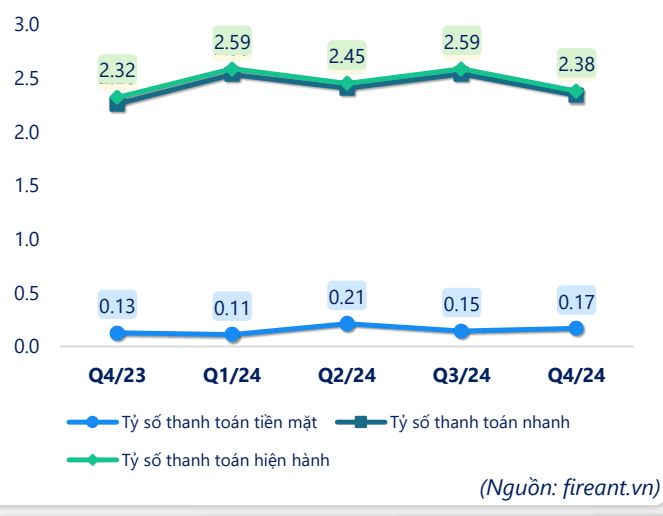

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

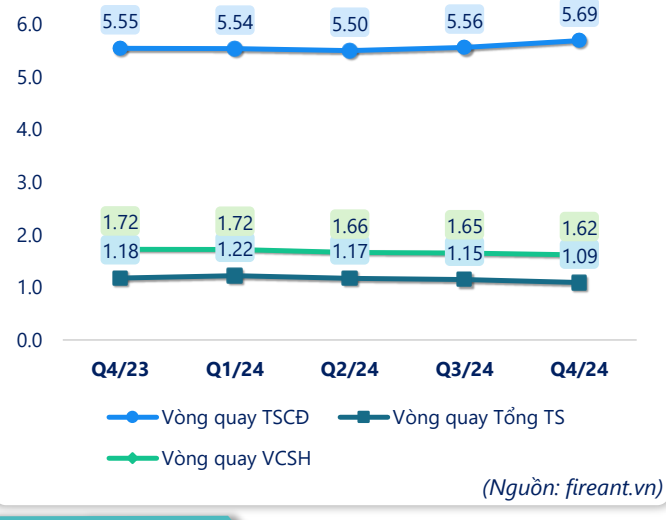

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,073**	**1,012**	**1,002**	**995**	**1,057**
Tài sản ngắn hạn	**758**	**699**	**692**	**695**	**758**
Tiền và tương đương tiền	41.7	30.0	59.9	38.9	53.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	387	380	366	379	363
Phải thu ngắn hạn	300	265	243	255	322
Hàng tồn kho	19.3	14.9	12.3	12.9	12.4
Tài sản ngắn hạn khác	9.74	9.07	10.7	8.94	7.44
Tài sản dài hạn	**315**	**313**	**310**	**301**	**298**
Phải thu dài hạn	37.7	37.6	37.5	37.5	30.6
Tài sản cố định	207	217	216	207	202
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.63	0.00	0	0	6.34
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	61.3	58.5	56.4	56.6	59.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**350**	**294**	**305**	**291**	**341**
Nợ ngắn hạn	**327**	**270**	**282**	**268**	**319**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.7	42.0	61.0	51.4	54.7
Phải trả người bán ngắn hạn	221	167	166	151	198
Nợ dài hạn	23.7	23.8	22.6	22.7	22.1
Vay và nợ thuê dài hạn	7.17	7.08	5.23	5.18	5.04
Nguồn vốn chủ sở hữu	**723**	**718**	**697**	**704**	**716**
Vốn chủ sở hữu	**723**	**718**	**697**	**704**	**716**
Vốn điều lệ	340	340	340	340	340
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)